

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị H và anh H1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiên;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

Người làm chứng: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 10 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức H1 đăng ký kết hôn ngày 25/12/1993 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống tại xóm Đông Biên, xã HB. Vợ chồng chung sống không thực sự H1 phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên tH xuyên xảy ra xích mích, cãi chửi nhau, cuộc sống chung nặng nề. Mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng đều không đạt hiệu quả, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị H2, sinh ngày 29/8/1994; Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 16/10/1995 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/6/2008. Hiện nay hai con chung đã thành niên, lao động tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đ chưa thành niên hiện đang sống cùng chị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ mà đề anh H1 tự có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc cháu Đ chưa thành niên.

Về tài sản chung và nghĩa vụ nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H1; bà Bùi Thị M là mẹ đẻ của anh H1 đã nhận thay và đã thông báo và giao cho anh H1 biết các văn bản của Tòa án. Thông qua bà M anh H1 ý kiến: anh H1 vẫn mong muốn vợ chồng có thời gian để suy nghĩ thêm nên không đồng ý ly hôn, còn nếu chị H quyết tâm ly hôn anh H1 cũng nhất trí. Về con chung: anh H1 nhất trí giao con chung là cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nghĩa vụ nợ chung: anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức H1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/6/2008 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H. Về tài sản chung và nghĩa vụ nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị H, người làm chứng là bà Bùi Thị M vắng mặt theo ý kiến xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đức H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 25/12/1993. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H1 không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H1. Anh H1 không có bản tự khai nhưng thông qua mẹ đẻ là bà Mai ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải để chị H và anh H1 đoàn tụ còn nếu chị H quyết tâm ly hôn thì anh H1 cũng nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, bản thân anh H1 biết việc chị H có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp văn bản ghi ý kiến của mình về việc chị H xin ly hôn cho Tòa án. Chị H và anh H1 đã có thời gian dài sống ly thân từ lâu nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Trịnh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị H, anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị H2, sinh ngày 29/8/1994; Nguyễn Thị Quỳnh Tr\, sinh ngày 16/10/1995 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/6/2008. Hiện nay hai con chung là H2 và Tr đã thành

niên, lao động tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Đ chưa thanh niên hiện đang sống cùng chị H. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị. Anh H1 đồng ý với đề nghị xin nuôi con chung của chị H. Cháu Đạt có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Trịnh Thị H.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự và ý kiến đề nghị của con chung thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị H là hoàn toàn chính đáng, chị H là người khỏe mạnh và có khả năng lao động, hiện nay con chung còn nhỏ, đang đi học, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Nguyễn Thành Đ cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị H là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 28/6/2008 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện nay cháu Đạt đang sống cùng chị H).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006392 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đình Định;
- VKSND tỉnh+huyện;;
- Chi cục THADS Hải Hậu;
- UBND xã HB;
- Cấp cho đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Việt Hùng Trần Văn Kiêm

Nguyễn Thị Hằng